



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.250.600.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Low Kok Ann	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Hạnh Minh Châu	Thành viên
Ông Đỗ Duy Huynh	Thành viên
Ông Low See Ching	Thành viên
Ông Tay Eng Kiat Jackson	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Wu Pei Cong	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Mai Thị Xuân Vương	Thành viên
Ông Mai Quốc Khoa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hồng Phúc	Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC



Số: 14.508/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị,
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), và Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 28 tháng 07 năm 2014 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Gốm Sứ Việt và Công ty con vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1714-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.612.754.154	85.504.422.307
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.889.789.738	13.359.966.132
1. Tiền	111		6.845.219.339	2.759.966.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.044.570.399	10.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	30.726.960.514	12.084.482.634
1. Phải thu khách hàng	131		26.961.984.625	10.393.946.384
2. Trả trước cho người bán	132		3.404.859.362	1.612.517.148
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		360.116.527	78.019.102
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	80.265.447.617	53.132.869.823
1. Hàng tồn kho	141		81.071.935.084	53.671.402.192
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(806.487.467)	(538.532.369)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.730.556.285	6.927.103.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.312.253.642	728.168.107
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.301.254.543	2.624.139.806
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.884.793.049	260.715.064
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		232.255.051	3.314.080.741

(phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.280.406.995	7.574.318.455
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.303.582.866	1.455.174.292
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	2.128.729.539	1.177.774.293
+ Nguyên giá	222		3.009.274.814	1.484.427.673
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(880.545.275)	(306.653.380)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	174.853.327	277.399.999
+ Nguyên giá	228		307.640.000	307.640.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(132.786.673)	(30.240.001)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	20.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.976.824.129	6.119.144.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.917.717.488	3.267.157.977
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	332.588.641	181.538.186
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.10	2.726.518.000	2.670.448.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		159.893.161.149	93.078.740.762

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.219.455.680	23.129.203.998
I. Nợ ngắn hạn	310		68.219.455.680	23.129.203.998
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	21.617.805.000	-
2. Phải trả người bán	312	5.12	24.546.734.831	14.989.698.776
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	11.104.422.236	5.755.718.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	6.342.063.609	57.548.592
5. Phải trả người lao động	315	5.14	2.900.000.000	1.200.000.000
6. Chi phí phải trả	316	5.15	1.225.455.165	1.061.201.385
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		482.974.839	65.036.345
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.673.705.469	69.949.536.764
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	91.673.705.469	69.949.536.764
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.250.600.000	24.250.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.328.949.300	43.328.949.300
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		24.094.156.169	2.369.987.464
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		159.893.161.149	93.078.740.762

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		5.004,57	100,25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN XUÂN NHÂN

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	233.124.552.502	117.010.783.595
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	4.305.225.700	1.692.874.381
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228.819.326.802	115.317.909.214
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	135.991.531.727	66.446.490.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		92.827.795.075	48.871.419.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.005.926.869	854.997.394
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.477.050.335	805.673.107
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>379.159.904</i>	<i>590.752.853</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	54.541.542.899	36.024.068.466
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10.803.574.011	8.633.774.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.011.554.699	4.262.900.675
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.866.179.987	3.154.797.285
12. Chi phí khác	32	6.8	129.435.198	2.722.277.718
13. Lợi nhuận khác	40		1.736.744.789	432.519.567
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		28.748.299.488	4.695.420.242
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	7.175.181.238	1.087.115.858
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	(151.050.455)	(181.538.186)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		21.724.168.705	3.789.842.569
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		21.724.168.705	3.789.842.569
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.16.4	8.958,20	1.562,78

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI DUYỆT

ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.748.299.488	4.695.420.242
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		949.355.067	739.894.394
Các khoản dự phòng	03		267.955.098	639.418.332
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa	04		272.395.512	92.368.185
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(993.602.475)	(2.534.877.418)
Chi phí lãi vay	06		379.159.904	590.752.853
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.623.562.594	4.222.976.588
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.094.874.816)	(19.691.238.501)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.400.532.891)	(13.097.410.549)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.739.612.454	(13.765.608.618)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.037.810.878)	252.976.340
Tiền lãi vay đã trả	13		(379.159.904)	(590.752.853)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.131.439.072)	(1.107.442.307)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.937.658.222	5.423.952.639
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9.828.331.602)	(8.693.266.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		428.684.107	(47.045.813.642)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.994.597.809)	(1.947.496.761)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	2.630.225.886
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		993.602.475	806.085.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.000.995.334)	1.488.814.805

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	57.579.549.300
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		23.622.552.013	33.876.988.762
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.520.417.180)	(33.876.988.762)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	46.230.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.102.134.833	57.625.779.523
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		529.823.606	12.068.780.686
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.359.966.132	1.291.185.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		13.889.789.738	13.359.966.132

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI DUYỆT

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần đây nhất là 24.250.600.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết:

- Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường;
- Bán buôn bình đun nước nóng;
- Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác;
- Bán buôn các loại đá thiên nhiên, đá hoa cương, đá cẩm thạch.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim; sơn, véc ni và sơn bóng; kính phẳng; gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; thiết bị và vật liệu để tự làm; máy cắt cỏ; phòng tắm hơi.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Một Thành Viên Đá Thế Giới	778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/07 đến 30/06. Riêng năm tài chính đầu tiên bắt đầu cho giai đoạn chuyển đổi phát sinh từ 1/1/2013 đến 30/06/2013.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh khi thanh toán và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu".

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí chờ kết chuyển khác và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| + Phương tiện vận tải truyền dẫn | 01 - 06 năm |
| + Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

+ Tài sản cố định vô hình 03 năm

4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.9 Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

4.10 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN giai đoạn 6 tháng cuối năm 2013 là 25% và chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 là 22%.
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.14 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	426.018.378	268.088.803
Tiền gửi ngân hàng	6.419.200.961	2.491.877.329
Các khoản tương đương tiền	7.044.570.399	10.600.000.000
Tổng cộng	13.889.789.738	13.359.966.132

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	10.393.946.384
Trả trước cho người bán	3.404.859.362	1.612.517.148
Các khoản phải thu khác	360.116.527	78.019.102
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	30.726.960.514	12.084.482.634
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	30.726.960.514	12.084.482.634

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 8	-	2.663.996.402
Tổng cộng	-	2.663.996.402

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	954.097.358	144.187.146
Công cụ, dụng cụ	-	481.968.017
Hàng hóa	80.117.837.726	53.045.247.029
Cộng giá gốc hàng tồn kho	81.071.935.084	53.671.402.192
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(806.487.467)	(538.532.369)
Giá trị thuần có thể thực hiện	80.265.447.617	53.132.869.823

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	594.435.060	350.422.516
Chi phí chờ kết chuyển	717.818.582	377.745.591
Tổng cộng	1.312.253.642	728.168.107

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là khoản thuế nhập khẩu được hoàn lại.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND			
	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	389.583.119	576.972.331	517.872.223	1.484.427.673
Mua trong năm	1.705.814.045	213.401.364	75.382.400	1.994.597.809
Giảm khác	-	(469.750.668)	-	(469.750.668)
Số dư cuối năm	2.095.397.164	320.623.027	593.254.623	3.009.274.814
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	104.668.303	111.216.629	90.768.448	306.653.380
Khấu hao trong năm	289.696.324	269.102.067	288.010.004	846.808.395
Giảm khác	-	(272.916.500)	-	(272.916.500)
Số dư cuối năm	394.364.627	107.402.196	378.778.452	880.545.275
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	284.914.816	465.755.702	427.103.775	1.177.774.293
Tại ngày cuối năm	1.701.032.537	213.220.831	214.476.171	2.128.729.539

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.703.481 đồng.

(phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỬ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.7. Tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm Microsoft
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	307.640.000
Số dư cuối năm	307.640.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	30.240.001
Khấu hao trong năm	102.546.672
Số dư cuối năm	132.786.673
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	277.399.999
Tại ngày cuối năm	174.853.327

5.8. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản tiền gửi dài hạn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Vietcombank. Lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn gửi là 13 tháng. Mục đích gửi tiền là làm tài sản thế chấp để mở LC.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thi công sửa chữa văn phòng 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	333.477.165	-
Chi phí sửa chữa và thiết kế các showroom	3.190.091.780	2.983.671.327
Phân bổ chi phí thi công kho chứa thiết bị vệ sinh	312.066.747	133.485.000
Phân bổ công cụ dụng cụ	82.081.796	150.001.650
Tổng cộng	3.917.717.488	3.267.157.977

5.10. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc tiền thuê kho Hiệp Bình Phước	543.888.000	543.888.000
Đặt cọc thuê nhà	2.127.630.000	2.071.560.000
Đặt cọc thuê showroom	50.000.000	50.000.000
Chi tiền ký quỹ sử dụng dịch vụ Taxi Mai Linh	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	2.726.518.000	2.670.448.000

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay USD của Công ty Hafary PTE LD theo Hợp đồng vay số 01/VCI-H ngày 1/2/2014. Giá trị 1.017.500 USD (tương đương 21.617.805.000 VND). Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất 4,5%/năm – xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỬ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	24.546.734.831	14.989.698.776
Người mua trả tiền trước	11.104.422.236	5.755.718.900
Tổng cộng	35.651.157.067	20.745.417.676

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải trả các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Hafary International PTE – xem thêm mục 8.	4.051.494.073	-
Tổng cộng	4.051.494.073	-

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	246.165.671	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.043.742.165	-
Thuế thu nhập cá nhân	52.155.773	57.548.592
Tổng cộng	6.342.063.609	57.548.592

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản trích dự phòng quỹ lương.

5.15. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước hoa hồng	-	603.623.857
Trích trước chi phí vận chuyển	1.150.503.027	261.972.890
Trích trước chi phí gia công	-	65.523.650
Trích trước chi phí khác	74.952.138	130.080.988
Tổng cộng	1.225.455.165	1.061.201.385

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

5.16. Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.250.600.000	43.328.949.300	(1.419.855.105)	66.159.694.195
Lợi nhuận năm trước	-	-	3.789.842.569	3.789.842.569
Số dư đầu năm nay	24.250.600.000	43.328.949.300	2.369.987.464	69.949.536.764
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.724.168.705	21.724.168.705
Số dư cuối năm nay	24.250.600.000	43.328.949.300	24.094.156.169	91.673.705.469

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cá nhân	12.367.800.000	12.367.800.000
Vốn góp của Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE	11.882.800.000	11.882.800.000
Tổng cộng	24.250.600.000	24.250.600.000

5.16.3. Cổ phần

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.425.060	2.425.060
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.425.060	2.425.060

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	21.724.168.705	3.789.842.569
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	2.425.060	2.425.060
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	8.958,20	1.562,78

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	233.124.552.502	117.010.783.595
Hàng bán bị trả lại	(4.305.225.700)	(1.673.352.405)
Giảm giá hàng bán	-	(19.521.976)
Doanh thu thuần	228.819.326.802	115.317.909.214

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	135.713.833.309	65.807.071.835
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	277.698.418	639.418.332
Tổng cộng	135.991.531.727	66.446.490.167

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	993.602.475	806.085.680
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.324.394	33.899.035
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	15.012.679
Tổng cộng	1.005.926.869	854.997.394

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	379.159.904	590.752.853
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	825.494.919	107.539.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	272.395.512	107.380.864
Tổng cộng	1.477.050.335	805.673.107

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên bán hàng	14.123.788.144	8.956.464.627
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.119.503.752	1.325.826.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.355.067	739.159.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.670.325.351	17.653.988.841
Chi phí bằng tiền khác	8.678.570.585	7.348.628.639
Tổng cộng	54.541.542.899	36.024.068.466

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.299.219.665	6.203.876.649
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	164.266.308	147.430.156
Thuế, phí và lệ phí	191.491.978	375.213.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.062.854.306	998.339.207
Chi phí bằng tiền khác	1.085.741.754	908.915.130
Tổng cộng	10.803.574.011	8.633.774.194

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phí vận chuyển	88.688.909	34.251.208
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	316.017.273	42.727.272
Thu thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	-	2.630.225.886
Chiết khấu thanh toán	786.811.925	328.944.749
Khác	674.661.880	118.648.170
Tổng cộng	1.866.179.987	3.154.797.285

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi thanh lý công cụ dụng cụ	-	1.767.075.577
Chi thanh lý tài sản cố định	-	901.434.148
Khác	129.435.198	53.767.993
Tổng cộng	129.435.198	2.722.277.718

(phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỬ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty và công ty con	28.748.299.488	5.750.567.920
Điều chỉnh để xác định thu nhập tính thuế		
+ Cộng các khoản chi phí không được trừ	2.678.171.331	510.863.540
+ Cộng lãi chưa thực hiện của năm nay	1.107.591.766	1.335.431.706
+ Trừ chuyển lỗ các năm trước chuyển sang	(343.966.798)	(1.384.772.549)
+ Trừ lãi chưa thực hiện của năm trước	(1.657.409.669)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>30.532.686.118</u>	<u>6.212.090.617</u>
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 25%	15.266.343.059	6.212.090.617
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất 22%	15.266.343.059	-
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 25%	3.816.585.765	-
Chi phí thuế TNDN chịu thuế suất 22%	3.358.595.473	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.175.181.238	1.553.022.654
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012	-	(465.906.796)
Chi phí thuế TNDN trong năm	<u>7.175.181.238</u>	<u>1.087.115.858</u>

Theo luật thuế TNDN có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, thuế suất thuế TNDN giảm xuống là 22%.

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	VND	
	Lãi chưa thực hiện hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	181.538.186	181.538.186
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	(151.050.455)	(151.050.455)
Số dư cuối năm nay	<u>332.588.641</u>	<u>332.588.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	143.201.030.662	66.446.490.167
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.283.770.060	1.473.256.980
Chi phí nhân công	22.423.007.809	15.160.341.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.355.067	739.894.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.754.483.587	18.619.353.708
Chi phí khác bằng tiền	11.540.985.920	12.192.947.128
Tổng cộng	210.152.633.105	114.632.283.652

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ có hoạt động sản xuất kinh doanh gốm sứ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn đồ dùng khác trong gia đình nên báo cáo tài chính đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.	Cổ đông chính
2. Công ty TNHH Hafary PTE	Công ty mẹ
3. Công ty TNHH Hafary International PTE	Công ty cùng Tập đoàn
4. Công ty TNHH Foshan Hafary Trading	Công ty cùng Tập đoàn
5. Công ty TNHH Gốm sứ Việt	Công ty có cùng cá nhân nắm quyền kiểm soát

▪ Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 5.2	-	2.663.996.402
Công ty TNHH Hafary International PTE – xem thêm mục 5.12	(4.051.494.073)	-
Công ty TNHH Hafary PTE – xem thêm mục 5.11	(21.617.805.000)	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Hafary PTE		
Nhận tiền vay	21.617.805.000	-
Công ty TNHH Hafary International PTE		
Mua hàng	4.261.229.093	-
Công ty TNHH Foshan Hafary Trading		
Mua hàng	173.357.676	-
Công ty TNHH Gốm sứ Việt		
Mua hàng	-	93.873.043
Bán hàng	-	3.306.625.530

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.263.660.000	1.451.370.000
Tổng cộng	1.263.660.000	1.451.370.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

(phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỮ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		VND
	30/06/2014	01/07/2013	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.889.789.738	13.359.966.132	
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	10.393.946.384	
Đầu tư dài hạn khác	20.000.000.000	-	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn	2.729.867.121	5.922.713.741	
Tổng cộng	63.581.641.484	29.676.626.257	
Công nợ tài chính			
Vay ngắn hạn	21.617.805.000	-	
Phải trả người bán	24.546.734.831	14.989.698.776	
Chi phí phải trả	1.225.455.165	1.061.201.385	
Tổng cộng	47.389.994.996	16.050.900.161	

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014	01/07/2013	30/06/2014	01/07/2013
Đô la Mỹ (USD)	1.902.853,45	528.778,57	51.596,28	138.691,92
Euro (EUR)	205.005,48	21.317,44	-	12.653,83

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

		VND
30/06/2014	Dưới 1 năm	Tổng
Vay ngắn hạn	21.617.805.000	21.617.805.000
Phải trả người bán	24.546.734.831	24.546.734.831
Chi phí phải trả	1.225.455.165	1.225.455.165
		VND
01/07/2013	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	14.989.698.776	14.989.698.776
Chi phí phải trả	1.061.201.385	1.061.201.385

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

(phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 778K/2 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/06/2014			
Phải thu khách hàng	26.961.984.625	-	26.961.984.625
Đầu tư dài hạn khác	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ, ký cược	3.349.121	2.726.518.000	2.729.867.121
			VND
01/07/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	10.393.946.384	-	10.393.946.384
Ký quỹ, ký cược	3.252.265.741	2.670.448.000	5.922.713.741

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 07 năm 2014.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2014

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN XUÂN NHÀN

Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



ĐỖ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc